

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **108204335260** Số tờ khai đầu tiên / ***108204335260***
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra ² Mã loại hình A11 1[4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 0302
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 04/05/2026 13:42:09 HQTSNHAT / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
 Người nhập khẩu



Người xuất khẩu
 Mã
 Tên SALMAR AS
 Mã bưu chính
 Địa chỉ INDUSTRIEVEIEN 51 KVERVA 7266 KVERVA
 Mã nước NO

Người ủy thác xuất khẩu
 Đại lý Hải quan Mã nhân viên Hải quan
 Số vận đơn
 1 15752892210 Địa điểm lưu kho UZBIAU4 KHO SCSC
 2 Địa điểm dỡ hàng VNNGN HO CHI MINH
 3 Địa điểm xếp hàng NOOSL OSLO
 4 Phương tiện vận chuyển QR0970/04MAY
 5 Ngày hàng đến 04/05/2026
 Số lượng 81 BX Ký hiệu và số hiệu ##12026##
 Tổng trọng lượng hàng (Gross) 1.900 KGM
 Số lượng container
 Ngày được phép nhập kho đầu tiên
 Mã văn bản pháp quy khác

Số hóa đơn A - 1007748
 Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
 Ngày phát hành 30/04/2026
 Phương thức thanh toán KC
 Tổng trị giá hóa đơn A - DPU - USD -
 Tổng trị giá tính thuế
 Tổng hệ số phân bổ trị giá -
 Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu
 1 EY02 - BNNPTNT10260162812 2 - 3
 4 - 5 -

Mã phân loại khai trị giá ⁶
 Khai trị giá tổng hợp - -
 Các khoản điều chỉnh
 Phí vận chuyển - -
 Phí bảo hiểm - -
 Mã tên Mã phân loại Trị giá khoản điều chỉnh Tổng hệ số phân bổ
 1 - - -
 2 - - -
 3 - - -
 4 - - -
 5 - - -

Chi tiết khai trị giá
 03052026#& Hình thức thanh toán TT

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng		
1 N Thuế NK	VND	1	Tổng tiền thuế phải nộp	VND
2	VND		Số tiền bảo lãnh	VND
3	VND		Tỷ giá tính thuế	USD - 26.138
4	VND			
5	VND			
6	VND		Mã xác định thời hạn nộp thuế	D
			Mã lý do đề nghị BP	Người nộp thuế 1 Phân loại nộp thuế A
Tổng số trang của tờ khai			3	Tổng số dòng hàng của tờ khai 1

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **108204335260** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra ² Mã loại hình A11 1 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai ⁰³⁰²
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Mã bộ phận xử lý tờ khai ⁰¹
 Ngày đăng ký 04/05/2026 13:42:09 HQTSNHAT Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
 Số đính kèm khai báo điện tử 1 - 2 - 3 -
 Phần ghi chú Hợp đồng: 01/2024TA-SM ngày 01/01/2024.

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Ngày thay đổi đăng ký Số quản lý người sử dụng 00340

Phân loại chi thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan

Ngày khai báo nộp thuế / /
 Tổng số tiền thuế chậm nộp

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành) / /
 Địa điểm Ngày đến Ngày khởi hành
 Thông tin trung chuyển / / ~ / /
 2 / / ~ / /
 3 / / ~ / /
 Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai **108204335260** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra ² Mã loại hình A11 1 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 0302
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
 Ngày đăng ký 04/05/2026 13:42:09 HQTSNHAT / / Thời hạn tái nhập/ tái xuất / /
 <01>

Mã số hàng hóa 03021400 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận giá []
 Mô tả hàng hóa Cá hồi nguyên con ướp lạnh bỏ mắt tang (Salmo Salar). Size 6-7kg/con.
 Ngày thay đổi đăng ký

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	1.551,6	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	1.551,6	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	-USD	KGM
Trị giá tính thuế (S)	VND	Trị giá tính thuế (M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	-VND - KGM
Thuế suất A 10%	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	NO - NORWAY_B01
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất ^v
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất	0%	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	